

MỤC LỤC

- 1. Tầm nhìn và sứ mệnh**
- 2. Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- 3. Thông tin công ty**
 - Giới thiệu về công ty
 - Cơ cấu tổ chức công ty
 - Giới thiệu Hội đồng quản trị
 - Giới thiệu Ban kiểm soát
 - Giới thiệu Ban điều hành
 - Thông tin cổ đông
- 4. Báo cáo của Hội đồng quản trị**
- 5. Báo cáo Ban điều hành**
 - Tổng quan hoạt động kinh doanh
 - Kế hoạch kinh doanh năm 2015
- 6. Báo cáo của Ban kiểm soát**
- 7. Báo cáo quản trị**
- 8. Quản trị rủi ro**
- 9. Báo cáo tài chính**
- 10. Hướng đến cộng đồng**
- 11. Hệ thống các chi nhánh**

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH

Tâm nhìn

- **Tâm nhìn:** Trở thành công ty số một tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất nước hoa.

Sứ mệnh

- **Sứ mệnh:** Dùng hương thơm mang đến sự tự tin và tạo ra những giá trị cảm xúc cho người sử dụng bằng chính sự trân trọng và trách nhiệm đối với cộng đồng.

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông, các nhà đầu tư,

Năm 2014 là năm đầu tiên SCC đạt được doanh thu vượt mức 200 tỷ đồng. Câu chuyện của SCC tiếp tục là cuộc hành trình không ngừng bước tới với ước mong mang đến nhiều điều tốt đẹp cho cộng đồng, con người và cổ đông công ty.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 khả quan hơn 2013 với ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét và đồng đều, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, cân đối ngân sách được cải thiện. Khó khăn của của doanh nghiệp và hộ gia đình cũng giảm bớt.

Với những dự báo về tình hình kinh tế trong năm, Hội đồng Quản trị đã có những chiến lược, chỉ đạo đúng đắn, cùng với sự điều hành linh hoạt nhiều sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc và nỗ lực của cán bộ, nhân viên công ty là một trong những yếu tố chính đã giúp SCC vượt qua những thách thức, tiếp tục phát triển mạnh mẽ. SCC được người tiêu dùng tín nhiệm dù trong giai đoạn kinh tế chưa khởi sắc lắm, nhưng công ty vẫn tăng trưởng vượt mức doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 14.71 tỷ đồng, tăng 3,6% so với lợi nhuận năm 2013 và vượt 1,4% so với kế hoạch năm 2014. Doanh thu năm 2014 đạt 203,06 tỷ đồng, tăng 8,4% so với doanh thu năm 2013 và vượt 1,5% so với kế hoạch năm 2014.

Kết quả kinh doanh thành công trong năm 2014 là thành quả của sự nỗ lực và khát vọng thành công của đội ngũ công nhân viên SCC và đặc biệt là Ban điều hành. Thay mặt cổ đông công ty, tôi xin gửi đến đội ngũ SCC sự ghi nhận sâu sắc vì những đóng góp quý báu này.

Sang năm 2015 tăng trưởng kinh tế sẽ tiếp tục xu thế phục hồi và mục tiêu tăng trưởng 6,2% là khả thi. Trong khi đó, môi trường kinh tế vĩ mô có điều kiện để duy trì ổn định, nhất là đối với mục tiêu kiểm soát lạm phát. Chúng tôi tin tưởng rằng với năng lực và nguồn lực của SCC sẽ đủ khả năng thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh trong năm 2015.

Thay mặt Công ty, HĐQT tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý khách hàng, các cổ đông, đối tác trong và ngoài nước, Ban điều hành cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty đã luôn đồng hành và ủng hộ để Công ty CP Mỹ phẩm Sài Gòn luôn đạt được nhiều thành quả mới.

Mong rằng trong thời gian tới Công ty tiếp tục được sự cộng tác và hỗ trợ của quý vị đó chính là nguồn động lực để Công ty CP Mỹ Phẩm Sài Gòn sẽ mãi xứng đáng với sự tin nhiệm của quý vị.

Cuối cùng kính chúc quý vị được nhiều sức khỏe, thành công trên mọi lĩnh vực.
Xin chân thành cảm ơn.

Tp. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2015

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ Tịch



M.S.D.N: 0300767984-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MỸ PHẨM
SÀI GÒN
QUẬN 2 TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Kim Hoa

THÔNG TIN CÔNG TY

✓ GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển công ty

➤ Giai đoạn công ty là doanh nghiệp nhà nước (1990 đến 1999)

- **Năm 1990:** thành lập Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn, tiền thân là hãng nước hoa Imortel trước năm 1975.
- **Năm 1992:** Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn được chuyển thành Công ty Mỹ phẩm Sài Gòn, trực thuộc Sở Công Nghiệp, hạch toán độc lập.

➤ Giai đoạn cổ phần hóa (1999 -2011...)

- **Năm 1999:** Trở thành Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn theo Quyết định số 1135/QĐ-TTg ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 28/01/2000.
- **Năm 2001 đến 2003:** Triển khai và áp dụng thành công ISO 9001: 2000 vào công tác quản trị hệ thống
- **Năm 2003 đến 2005:** Đầu tư mua và xây dựng nhà máy mới tại 930 Nguyễn Thị Định, Khu Công nghiệp Cát Lái 2, Quận 2, TP.HCM.
Năm 2005 : Nhận chứng chỉ ISO 9001:2000
- **Năm 2006 :** Khánh thành nhà máy, di dời toàn bộ 3 nhà xưởng cũ về nhà máy mới hoạt động với dây chuyền sản xuất khép kín, máy móc thiết bị hiện đại. Bao gồm 1 khu văn phòng; 03 phân xưởng sản xuất chính: nước hoa, xà bông, và dầu gội; 02 khu pha chế và 01 kho hàng.
- **Năm 2007:** Chính thức trở thành công ty đại chúng, công bố thông tin theo quy định
- **Năm 2009 :** Xây dựng hệ thống phân phối và xây dựng thương hiệu hướng đến cộng đồng
- **Năm 2010 -2015:** Trở thành 1 trong những đơn vị đầu tiên trong ngành mỹ phẩm đạt được chứng nhận CGMP ASEAN và chứng chỉ ISO 9001:2008
- **Năm 2014:** Doanh nghiệp tiêu biểu TPHCM

2. Các danh hiệu nổi bật

Qua hơn 20 năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã vinh dự đạt được rất nhiều danh hiệu, trong đó nổi bật bao gồm :

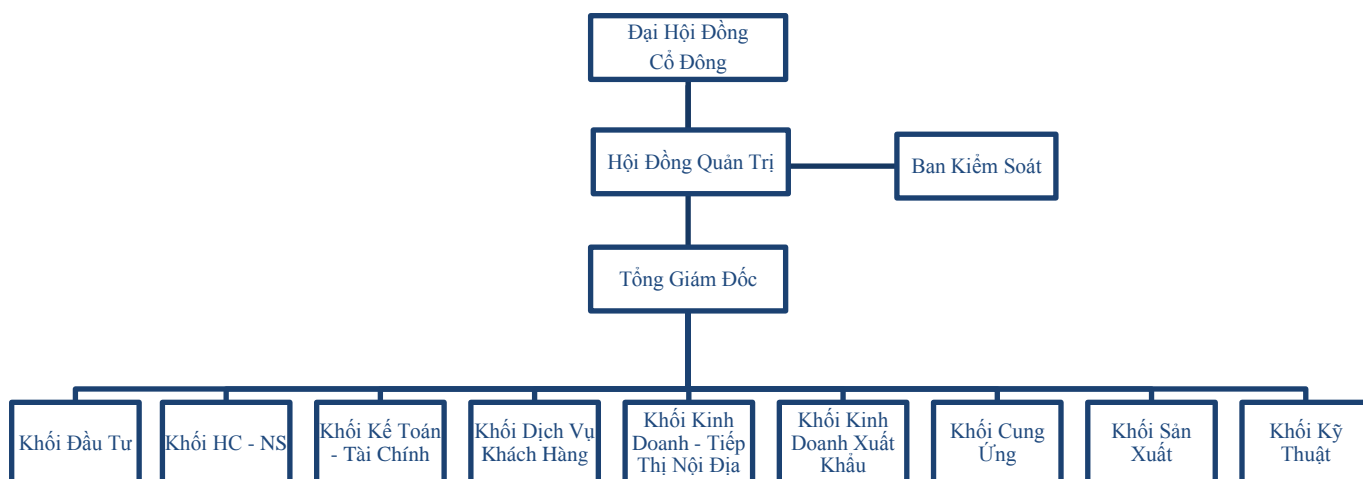
Năm	Tên danh hiệu	Tổ chức trao tặng
1994	Huân chương lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
2000	Huân chương lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước
2004	Thương hiệu mạnh	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2005	Thương hiệu Việt yêu thích	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2006	“Top 5” ngành hàng mỹ phẩm của cả nước	Báo Sài gòn tiếp thị
2006	Huân chương lao động hạng Nhất	Chủ tịch nước
2007	Doanh nghiệp mỹ phẩm duy nhất được giải thưởng “ WIPO ” về sở hữu trí tuệ	Liên Hiệp Quốc
2007	Bằng danh dự đã có thành tích xuất sắc trong việc hỗ trợ các tài năng sáng tạo Khoa học – Công nghệ Việt Nam giai đoạn 2005-2007	Quỹ hỗ trợ sáng tạo Kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC)
2008 - 2010	Thương hiệu nước hoa Miss Saigon đạt giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng”	VCCI & SC Nielsen
2009	Top 500 thương hiệu mạnh	VCCI
2010	Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất sắc trong 05 năm liền	Thủ tướng chính phủ
1997 -2014	Hàng Việt Nam chất lượng cao 19 năm liên tiếp (1997 – 2013) và được người tiêu dùng bình chọn : “Sản	Báo Sài Gòn Tiếp thị

	phẩm tốt nhất”.	
2011	Cúp vàng Top ten Thương hiệu Việt-ứng dụng khoa học kỹ thuật	TT NC-UD Phát triển Thương hiệu Việt
2011	Sao Vàng Đất Việt	Hội Doanh nhân trẻ VN
2007 2011	- Cúp Bông Hồng Vàng 5 năm liền	VCCI
2012	Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn VN	VN report và tạp chí thuế, Vietnam net
2013	Sao Vàng Đất Việt	Hội Doanh nhân trẻ VN
2014	: Trở thành 1 trong những đơn vị đầu tiên trong ngành mỹ phẩm đạt được chứng nhận CGMP ASEAN và chứng chỉ ISO 9001:2008	
2014	Doanh nghiệp tiêu biểu TPHCM	UBNDTP

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại mỹ phẩm, các loại chất tẩy rửa.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp mỹ phẩm, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hóa mỹ phẩm.
- Thực hiện các dịch vụ thẩm mỹ.
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng.

✓ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



Số lượng lao động

Tổng số lượng lao động hiện nay tại Công ty là 388 người.

Cơ cấu lao động phân theo đối tượng lao động

Đối tượng lao động	Số người	Tỷ lệ
Lao động trực tiếp	102	28%
Lao động gián tiếp	160	72%
Tổng cộng	262	100%

Cơ cấu lao động phân chia theo trình độ

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	04	1.5%
Đại học	98	37.4%
Trung cấp	30	11.5%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	130	49.6%
Tổng cộng	262	100%

a. Chính sách đào tạo

Hàng năm, Công ty lập kế hoạch đào tạo từ đào tạo tay nghề cho công nhân đến đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên (bao gồm đào tạo nội bộ và đào tạo từ bên ngoài). Việc huấn luyện hay đào tạo lại cũng được Công ty thực hiện ngay khi thay đổi kỹ thuật hay cách thức, cơ cấu tổ chức sản xuất.

b. Chính sách đối với người lao động

- Bên cạnh chế độ chính sách khuyến khích nhân tài, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết khả năng của mình.
- Công ty tuân thủ nghiêm túc mọi quy định của pháp luật và luật lao động được Bộ lao động quy định như: ký hợp đồng trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn...

Chính sách lương: Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty ban hành phù hợp với Bộ luật lao động, trên tinh thần đảm bảo công bằng, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Chính sách trợ cấp: Ngoài tiền lương, thưởng, người lao động ở còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động được Công ty thực hiện tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ rất được quan tâm.

Hiện tại, vẫn duy trì chế độ ăn trưa hàng ngày với chất lượng đảm bảo cho CBCNV trong Công ty. Hàng năm vào dịp lễ, Công ty tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, vào dịp hè tổ chức các chuyến nghỉ mát cho toàn thể CBCNV.

✓ GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên năm 2008 tổ chức ngày 08/12/2009, Đại Hội cổ đông có tiến hành bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2010-2014

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, gồm 07 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Nguyễn Kim Thoa	Chủ tịch HĐQT	1954	Kỹ sư Hóa
2	Lý Nguyễn Lan Phương	Thành viên HĐQT	1984	Cử nhân Tài Chính
3	Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	Thành viên HĐQT	1959	Cử nhân Kinh tế
4	Trần Phương Ivy	Thành viên HĐQT	1976	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
5	Lê Duy Cường	Thành viên HĐQT	1967	Kỹ sư Hoá
6	Huỳnh Khôn	Thành viên HĐQT	1945	Cử nhân Kinh tế
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	1976	Cử nhân Dược

Trong số 7 thành viên của Hội đồng Quản trị có 2 thành viên là thành viên độc lập không tham gia vào điều hành và 1 thành viên là tổ chức do ông Nguyễn Hồng Tâm đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra). Các thành viên HĐQT thường xuyên liên lạc, tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng nhằm thảo luận về tình hình hoạt động của công ty kịp thời đưa ra những quyết định định hướng cho Ban điều hành.

✓ GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban kiểm soát (BKS)

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Đào Nam Việt	Trưởng ban	1954	Kỹ sư Hóa
2	Lê Quang Dũng	Thành viên	1973	Thạc sĩ QTKD
3	Hà Như Linh	Thành viên	1955	Cử nhân Tài chính

Trong năm 2014, Ban Kiểm Soát đã xem xét toàn diện hoạt động của công ty để báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thù lao của Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định là 2.5% /LNTT.

✓ GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Lý Nguyễn Lan Phương	Tổng Giám đốc	1984	Cử nhân Tài Chính
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Giám đốc Đầu tư	1976	Cử nhân Dược
3	Lê Quang Dũng	Giám đốc xuất khẩu	1973	Cử nhân Luật
4	Lê Duy Cường	Giám đốc Kỹ Thuật Đảm Bảo Chất Lượng	1967	Kỹ sư Hoá
5	Đào Nam Việt	Giám đốc Sản xuất	1954	Kỹ sư Hoá
6	Ngô Tuyết Xuân	Phó Giám Đốc Dịch vụ khách hàng	1974	Cử nhân Kinh tế
7	Nguyễn Hồng Tâm	Giám đốc Hành chính nhân sự	1959	Cử nhân Kinh tế
8	Trần Ngọc Cẩm	Giám đốc Tài chính	1964	Cử nhân Kinh tế
9	Nguyễn Quốc Sử	Giám đốc Cung ứng	1963	Kỹ sư Hoá

□ Số lượng cổ phiếu sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	1.209.456	15,00%
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo Đại diện phần vốn nhà nước	588.816	7,30%
3	Ông Huỳnh Khôn	527.900	6,55%
4	Ông Lê Duy Cường	150.584	1,87%
5	Bà Lý Nguyễn Lan Phương	616.473	7,65%

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

I. Hoạt động của HĐQT năm 2014:

1. Tổng quan:

Kinh tế Việt Nam 2014 kết thúc với mức tăng trưởng GDP 5,98%, vượt kế hoạch, và chỉ số CPI bình quân 4,09%, ổn định và thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu. Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2014 ước đạt 2945,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2013.

Nhìn chung, các chỉ số kinh tế hồi phục tích cực làm nền tảng cho công ty đạt vượt kế hoạch kinh doanh được giao.

2. Hoạt động của HĐQT và đánh giá kết quả đạt được trong năm 2014 :

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ qua các công việc sau:

- ✓ Tiến hành bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ năm 2015-2019.
- ✓ Hoạch định kế hoạch vốn và nguồn vốn nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong các hoạt động công ty.
- ✓ Áp dụng các biện pháp quản trị tốt nhất nhằm nâng cao hoạt động và quản lý công ty.
- ✓ Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất, ngoài ra HĐQT thường xuyên nghe báo cáo từ Ban điều hành để cập nhật thông tin nhằm duy trì hoạt động tư vấn và định hướng thường kỳ.
- ✓ Giám sát việc triển khai và thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- ✓ Giám sát việc lập kế hoạch và chiến lược kinh doanh.
- ✓ Giám sát và đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các cổ đông và các cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Trong năm 2014, căn cứ vào chiến lược phát triển, HĐQT đã trình ĐHCĐ giao kế hoạch hằng năm và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch do ĐHCĐ giao với kết quả như sau:

- ✓ Doanh thu năm 2014 đạt 206,29 tỷ đồng, tăng 10,12% so với doanh thu năm 2013 và vượt 3,15% so với kế hoạch năm 2014.
- ✓ Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 14.71 tỷ đồng, tăng 3,55% so với lợi nhuận năm 2013 và vượt 1,47% so với kế hoạch năm 2014.
- ✓ Cổ tức năm 2014 : 8%
- ✓ Chi cổ tức bổ sung cho nhiệm kỳ năm 2010 -2014 : 2%

Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành có tinh thần trách nhiệm cao, không ngại khó khăn, đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch và các nhiệm vụ được giao trong năm 2014, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình, quy định trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế quản trị công ty và các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu và phương hướng 2015 :

1. Tình hình kinh tế chung :

Nối tiếp sự hồi phục của nền kinh tế trong 2014, mục tiêu tăng trưởng GDP 2015 được đặt ở mức 6.2%. Kinh tế vĩ mô được dự báo tiếp tục ổn định với các chính sách hợp lý của nhà nước. Trong năm 2015, lộ trình thực hiện các cam kết thương mại của Việt Nam sẽ gia tăng mức độ cạnh tranh trên thị trường trong nước, đồng thời tạo ra cơ hội cho hàng Việt Nam xuất khẩu ra các nước thế giới.

2. Mục tiêu và phương hướng 2015:

Với các dự báo về tình hình kinh tế trong nước và thế giới năm 2015, Hội Đồng Quản Trị mạnh dạn đặt ra một số chỉ tiêu kế hoạch cụ thể cho năm 2015 như sau:

- ✓ Mục tiêu doanh thu 2015: 240 tỷ đồng, tăng 16,3 % so với 2014
- ✓ Mục tiêu lợi nhuận trước thuế 2015: 15.5 tỷ đồng, tăng 5,4 % so với 2014.

Chúng tôi tin tưởng rằng với đội ngũ cán bộ công nhân viên đầy nhiệt huyết của SCC và sự năng động sáng tạo của Ban điều hành, SCC sẽ đạt được nhiều thành quả tốt trong năm 2015 và đưa thương hiệu công ty lên một tầm cao mới.

III. Định hướng của Hội Đồng Quản Trị:

Hội Đồng Quản Trị tiếp tục thực hiện vai trò chỉ đạo và giám sát các mục tiêu chiến lược của Công ty. Công Ty tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển bền vững thông qua (i) tận dụng ưu thế và phát huy tiềm năng sẵn có của hoạt động sản xuất và kinh doanh mỹ phẩm; (ii) giữ vững và gia tăng thị phần; (iii) nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi ích cổ đông; (iv) chú trọng công tác dự báo để chủ động điều chỉnh và đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình kinh tế; đảm bảo mọi nguồn lực sẵn sàng cho mục tiêu phát triển bền vững SCC.

Thay mặt Công ty, Hội Đồng Quản Trị chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các cổ đông, đối tác trong và ngoài nước, Ban Điều Hành cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty đã đồng hành và ủng hộ để Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn luôn đạt được nhiều thành quả như hôm nay.

Một lần nữa xin trân trọng cảm ơn kính chúc quý vị được nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

I. Kết quả hoạt động kinh doanh sản xuất năm 2014

1. Tóm tắt tổng quan kinh tế năm 2014

Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, đà tăng trưởng được phục hồi trong hầu hết các ngành. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 5.98% so với năm 2013. Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân năm 2014 tăng 4.09% so với bình quân năm 2013, mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây.

Các sự kiện chính trị gây ra những tác động nhất định cho môi trường kinh doanh, cụ thể đến hoạt động kinh doanh của công ty. Xuất nhập khẩu qua biên giới phía Bắc gặp nhiều khó khăn; lượng khách quốc tế đến Việt Nam ước tính

7.8 triệu lượt người trong cả nước, tăng 4% so với năm 2013 nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng 10.6% của năm 2013.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều Hành đã tập trung nguồn lực thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm quyết tâm hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra, cụ thể như sau:

DVT: Đồng

	KH 2014	TH 2014	TH 2013
Tổng doanh thu	200,000,000,000	206,290,268,175	187,337,384,492
Tổng lợi nhuận trước thuế	14,500,000,000	14,712,739,411	14,208,260,163
Cổ tức	8%	8%	8%

Doanh thu năm 2014 đạt 206.2 tỷ đồng, hoàn thành 103% so với kế hoạch và tăng trưởng 10% so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 14.7 tỷ đồng, hoàn thành 101% so với kế hoạch và tăng trưởng 4% so với năm 2013.

Để hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh doanh, trong năm 2014 công ty tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng bền vững nhằm khẳng định thương hiệu và chất lượng sản phẩm thông qua các giải pháp:

- Đẩy mạnh phát triển các thương hiệu chủ lực thông qua việc mở rộng các kênh phân phối và tăng cường các hoạt động truyền thông.
- Không ngừng cải tiến về chất lượng sản phẩm và dịch vụ; đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn quy trình sản xuất và đã được Bộ Y tế tái cấp chứng nhận Thực hành Sản xuất tốt Mỹ phẩm CGMP.
- Tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tập thể; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở các bộ phận.
- Duy trì năng lực tài chính vững mạnh và nâng cao năng lực quản trị công ty.
- Chủ động liên kết, hợp tác, tận dụng kinh nghiệm các đối tác nước ngoài thông qua việc triển khai các dự án gia công nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của công ty.

II. Kế hoạch năm 2015 và các giải pháp thực hiện:

Theo nhiều dự báo quốc tế, năm 2015, Việt Nam sẽ đạt tăng trưởng GDP từ 5.8 – 6.2%; CPI cả năm dưới 7% và các ngành kinh tế xuất khẩu sẽ có nhiều bứt phá quan trọng do nhận được nhiều xung lực phát triển tích cực mới từ những FTA mà Việt Nam đang và sẽ tham gia, tiêu biểu là Cộng đồng kinh tế ASEAN, TPP, FTA Việt Nam - Hàn Quốc...

Được nhận định là thị trường tiềm năng cho ngành mỹ phẩm do nhu cầu làm đẹp ngày càng tăng cao và mức chi tiêu bình quân cho mỹ phẩm của người Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực. Thị trường mỹ phẩm Việt Nam được đánh giá có rất nhiều tiềm năng để khai thác và phát triển không riêng cho doanh nghiệp nước ngoài lẫn doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh những thuận lợi trên, thị trường vẫn luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi như sự xuất hiện ngày càng nhiều các loại hàng hóa mỹ phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

1. Kế hoạch và chiến lược công ty năm 2015

Với mục tiêu trở thành thương hiệu nước hoa số 1 tại thị trường Việt Nam với sản phẩm có mặt ở tất cả các nước trong khu vực vào năm 2020 và trên cơ sở phân tích dự báo tình hình kinh tế, Ban Điều hành đã xây dựng các mục tiêu, chiến lược kinh doanh cụ thể sau:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	KH 2015	TH 2014	Tăng trưởng(%)
Doanh thu	240,000,000,000	206,290,268,175	16%
Lợi nhuận trước thuế	15,500,000,000	14,712,739,411	5%
Cổ tức	8%	8%	

2. Các giải pháp trọng tâm 2015

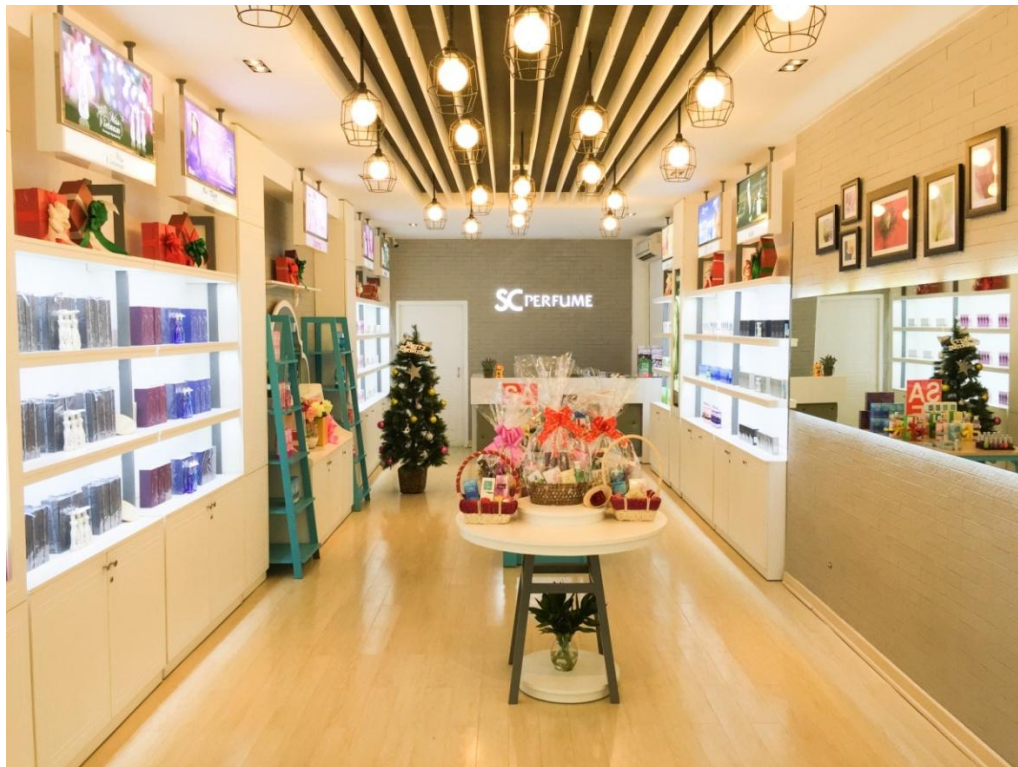
- Xây dựng nền tảng Văn hóa Doanh nghiệp vững chắc, tạo giá trị cốt lõi cho quá trình phát triển bền vững.
- Chú trọng nguồn nhân lực: nâng cao năng lực quản lý và tạo điều kiện cho nhân viên phát huy tối đa năng lực cá nhân.
- Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm nước hoa và sản phẩm tiêu dùng có nguồn gốc/chiết xuất từ thiên nhiên và phù hợp cho từng thị trường nhằm thúc đẩy tăng trưởng thị phần.

- Thực hiện nghiên cứu thị trường; xây dựng chiến lược hình ảnh thương hiệu công ty và các thương hiệu sản phẩm chuyên nghiệp.
- Quy hoạch dài hạn về cải tạo và đầu tư nhà xưởng, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị nhằm tối ưu năng suất.
- Thực hiện tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động thông qua cải tiến quy trình ở tất cả các bộ phận.
- Trong hoạt động đầu tư tài chính, bất động sản: xem xét đầu tư phù hợp với tình hình biến động của thị trường nhằm mang lợi nhuận tốt nhất cho doanh nghiệp.

Trên đây là kết quả hoạt động kinh doanh sản xuất năm 2014 và kế hoạch năm 2015 báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của công ty Cổ phần Mỹ Phẩm Sài Gòn. Với nỗ lực và quyết tâm cao, Chúng tôi sẽ tập trung toàn lực thực hiện các mục tiêu kinh doanh 2015 đã đề ra đồng thời đảm bảo tăng trưởng bền vững cho những năm tiếp theo trong giai đoạn 2015-2020.

Trân trọng cảm ơn và kính gửi đến Quý Cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc.

Một số hình ảnh hoạt động và các sản phẩm của Công ty



Showroom tư vấn và giới thiệu sản phẩm tại Mạc Thị Bưởi Q1



Hình ảnh các sản phẩm trên trang web bán hàng online tại Úc



Bộ sưu tập nước hoa Deandre



Bộ sưu tập nước hoa Deandre

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014 :

- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định các tài liệu và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty.
- Giám sát và kiểm tra tình hình tuân thủ của công ty đối với các quy định của nhà nước và quy định nội bộ.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Trực tiếp tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và ban điều hành, giám sát và đóng góp ý kiến trong việc thực hiện kế hoạch của công ty.
- Phát hiện những rủi ro tiềm tàng và đề xuất giải pháp khắc phục góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

II. Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2014:

- Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức đầy đủ các kỳ họp định kỳ theo Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp. HĐQT triển khai và báo cáo đầy đủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2014.

- HĐQT hoàn thành tốt tổ chức Đại hội cổ đông bầu thành viên HĐQT và BKS cho nhiệm kỳ 2015-2019.
- HĐQT định hướng cho công ty tập trung vào ngành kinh doanh truyền thông, thanh lý và chuyển nhượng các khoản mục đầu tư kém hiệu quả.
- HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT có những chỉ đạo kịp thời góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.

III. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành năm 2014 :

- Trong nhiệm kỳ vừa qua Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường trong kinh doanh của Ban điều hành công ty. Tất cả hoạt động đều tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Ban điều hành có những chính sách và quyết sách giám sát chặt chẽ các hoạt động của các bộ phận, kịp thời điều chỉnh các hoạt động tại bộ phận đi đúng hướng, phát huy được sức mạnh và kinh nghiệm vốn có của hoạt động truyền thông của Công ty mang lại lợi nhuận khả quan.
- Thực hiện tốt chỉ đạo HĐQT trong việc triển khai và thực hiện các chiến lược kinh doanh công ty mang lại hiệu quả cao và phát triển bền vững.
- BCTC đã được công ty kiểm toán độc lập kiểm toán và đánh giá về hoạt động tài chính năm 2014 (tham khảo PL 01).
- Công tác hạch toán và kế toán tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin định kỳ với công chúng và ủy ban chứng khoán nhà nước.

Ban kiểm soát đánh giá cao những kết quả đạt được của Ban điều hành trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, ứng phó kịp thời những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

IV. Đánh giá chung:

Qua báo cáo đánh giá nêu trên, Ban kiểm soát năm 2014 đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

Chúng tôi trân trọng và cảm ơn sự hỗ trợ của tất cả các quý cổ đông, khách hàng, các nhà đầu tư trong và ngoài nước và toàn thể CBCNV về những đóng

góp trong suốt nhiệm kỳ vừa qua đã giúp cho Ban kiểm soát thực hiện tốt công việc được phân công.

Kính chúc sức khỏe quý cổ đông,

TM. Ban Kiểm Soát

Trưởng Ban



Dao Nam Viet

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	CT. HĐQT	9/9	100%	
2	Lý Nguyễn Lan Phương	TV. HĐQT	9/9	100%	
3	Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	TV. HĐQT	9/9	100%	
4	Ivy Phương Trần	TV. HĐQT	9/9	100%	
5	Lê Duy Cường	TV. HĐQT	9/9	100%	
6	Huỳnh Khôn	TV. HĐQT	9/9	100%	
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	TV. HĐQT	9/9	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát và những quyết sách chỉ đạo bám sát tình hình sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động điều hành của Ban giám đốc trong năm 2014 HĐQT đã thực hiện các công việc sau:

- ✓ Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư bất động sản và công tác tổ chức nhân sự.
- ✓ HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ của Công ty;
- ✓ HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh của Công ty;
- ✓ HĐQT luôn giám sát Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất – kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

- ✓ HĐQT thường xuyên giám sát Tổng Giám đốc trong việc tổ chức và thực hiện các nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và trong việc điều hành sản xuất – kinh doanh.
- ✓ Giám sát lập kế hoạch kinh doanh năm 2015.
- ✓ Giám sát hoạt động kiểm toán kết quả kinh doanh năm 2014

Giám sát triển khai kế hoạch đại hội cổ đông thường niên tài khóa năm 2013. HĐQT họp duyệt các vấn đề cần trình đại hội cổ đông bao gồm : (1) Báo cáo HĐQT về kết quả hoạt động Công ty nhiệm kỳ 2010-2014, (2) Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2013 và KH 2014; (3) Báo cáo Ban kiểm soát về tình hình hoạt động và tài chính nhiệm kỳ 2010-2014; (4) Các tờ trình: tờ trình số 05/HĐQT/2014 về việc phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2013; Tờ trình số 06/HĐQT/2014 v/v đề nghị ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; Tờ trình số 07/HĐQT/2014 v/v dự kiến thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2014; Tờ trình số 08/HĐQT/2014 v/v đề cử các ứng cử viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2015-2019; (5) Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013; (6) nghị quyết về việc chi cổ tức đợt 1 /2014 ; (7) nghị quyết về việc bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015-2019 ;(8) Mở hạn mức tín dụng và uỷ quyền thực hiện tại ngân hàng (8) Phân tích và lựa chọn phương án kinh doanh ; (9) Chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2014.

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/HĐQT/2014	16/01/2014	Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013.
2	02/HĐQT/2014	16/01/2014	Thông nhất chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014.
3	03/HĐQT/2014	23/4/2014	Thông nhất KH triển khai các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh năm 2014.
4	04/HĐQT/2014	09/06/2014	Nghị quyết thống nhất các nội dung báo cáo tại đại hội cổ đông năm 2013.

5	05/HĐQT/2014	16/06/2014	V/v phân phối lợi nhuận năm 2012
6	06/HĐQT/2014	16/06/2014	V/v đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ
7	07/HĐQT/2014	16/06/2014	V/v phê duyệt thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát năm tài chính 2014
8	08/HĐQT/2014	16/06/2014	V/v đề cử các ứng cử viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2015-2019
9	01/ĐHĐCĐ/2014	15/07/2014	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013
10	09/HĐQT/2014	16/07/2014	Nghị quyết HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 1- năm 2014
11	10/HĐQT/2014	16/07/2014	Nghị quyết HĐQT về bầu chức danh chủ tịch HĐQT công ty
12	12/HĐQT/2014	16/07/2014	V/ v mở hạn mức tín dụng tại ngân hàng và ủy quyền nhân sự chịu trách nhiệm thực hiện.
13	13/HĐQT/2014	29/9/2014	Chuyên đề hoạt động kinh doanh và phương án kinh doanh 2015.
14	14/HĐQT/2014	15/12/2014	Chọn công ty kiểm toán AFC kiểm toán BCTC năm 2014.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Tổng quan

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản ký quỹ ký cược, phải thu khách hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả, phải nộp khác và các khoản chi phí phải trả. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có các khoản tiền mặt và khoản phải thu thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	USD	EUR	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.212,41	121,68	3,61
Phải thu khách hàng	194.185,83	-	-
Phải trả người bán	(124.551,82)	(4.193,43)	-
	222.846,42	(4.071,75)	3,61

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	USD	EUR	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.852,99	101,41	3,61
Phải thu khách hàng	465.209,54	-	-
Phải trả người bán	(127.699,07)	(183,00)	-
	427.363,46	(81,59)	3,61

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy lợi nhuận trước thuế của công ty (do sự thay đổi hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

USD

	Thay đổi tỷ giá %	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		USD	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014			
VND	+1	7.313,29	156.284.945
VND	-1	(7.313,29)	(156.284.945)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013			
VND	+1	(2.888,99)	(60.914.382)
VND	-1	2.888,99	60.914.382

EUR

Thay đổi tỷ	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
-------------	------------------------------------

	giá %	EUR	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014			
VND	+1	62,35	1.615.493
VND	-1	(62,35)	(1.615.493)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013			
VND	+1	27,13	580.458
VND	-1	(27,13)	(580.458)

Độ nhạy đối với ngoại tệ (tiếp theo)

GBP

	Thay đổi tỷ giá %	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		GBP	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014			
VND	+1	0,13	4.401
VND	-1	(0,13)	(4.401)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013			
VND	+1	0,30	10.475
VND	-1	(0,30)	(10.475)

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng

tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Phải trả người bán	13.008.829.456	-	13.008.829.456
Chi phí phải trả	3.236.411.397	-	3.236.411.397
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.087.794.472	-	4.087.794.472
Nhận ký quỹ ký cược	251.300.000	280.000.000	531.300.000
	20.584.335.325	280.000.000	20.864.335.325
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Phải trả người bán	13.504.700.365	-	13.504.700.365
Chi phí phải trả	3.443.683.417	-	3.443.683.417
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.282.066.871	-	10.282.066.871
Nhận ký quỹ ký cược	251.300.000	305.460.000	556.760.000

27.481.750.653 305.460.000 27.787.210.653

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính				
<i>Ký quỹ ký cược</i>	552.886.217	485.011.100	552.886.217	485.011.100
<i>Phải thu khách hàng</i>	12.277.647.912	20.038.707.126	12.277.647.912	20.038.707.126
<i>Các khoản phải thu khác</i>	394.422.984	397.629.508	394.422.984	397.629.508
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	16.052.607.826	12.838.128.433	16.052.607.826	12.838.128.433
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	8.668.994.099	14.781.070.186	8.668.994.099	14.781.070.186
Tổng cộng	<u>37.946.559.038</u>	<u>48.540.546.353</u>	<u>37.946.559.038</u>	<u>48.540.546.353</u>
Nợ phải trả tài chính				
	13.008.829.45	13.504.700.36	13.008.829.45	
<i>Phải trả người bán</i>	6	5	6	13.504.700.365
<i>Chi phí phải trả</i>	3.236.411.397	3.443.683.417	3.236.411.397	3.443.683.417
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	4.087.794.472	10.282.066.87	4.087.794.472	10.282.066.871
<i>Nhận ký quỹ ký cược</i>	531.300.000	556.760.000	531.300.000	556.760.000
Tổng cộng	<u>20.864.335.32</u>	<u>27.787.210.65</u>	<u>20.864.335.325</u>	<u>27.787.210.653</u>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		206,290,268,175	187,337,384,492
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3,229,349,205	7,327,649,371
Doanh thu thuần	10	5.1	203,060,918,970	180,009,735,121
Giá vốn hàng bán	11	5.2	118,537,917,512	103,503,581,806
Lợi nhuận gộp	20		84,523,001,458	76,506,153,315
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1,910,969,994	2,581,507,295
Chi phí tài chính	22	5.4	576,310,858	476,450,634
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>62,779,443</i>	<i>80,940,406</i>
Chi phí bán hàng	24	5.5	54,366,662,406	48,002,009,745
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	17,685,955,621	16,401,007,472
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		13,805,042,567	14,208,192,759
Thu nhập khác	31	5.7	1,392,878,677	2,273,916,994
Chi phí khác	32	5.8	485,181,833	2,273,849,590
Lợi nhuận khác	40		907,696,844	67,404
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,712,739,411	14,208,260,163
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	4,041,092,295	3,492,190,249
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,671,647,116	10,716,069,914
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	1,324	1,329

TRẦN THỊ NGỌC
THỌ
Người lập biểu

TRẦN NGỌC
CẨM
Kế toán trưởng

LÝ NGUYỄN LAN PHƯƠNG
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		91,857,845,324	96,460,509,644
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	8,668,994,099	14,781,070,186
Tiền	111		6,208,994,099	6,919,794,658
Các khoản tương đương tiền	112		2,460,000,000	7,861,275,528
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	16,052,607,826	12,838,128,433
Đầu tư ngắn hạn	121		17,797,202,026	14,581,504,888
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,744,594,200)	(1,743,376,455)
Các khoản phải thu	130		17,846,574,527	23,371,021,620
Phải thu khách hàng	131	4.3	12,803,812,005	20,680,996,680
Trả trước cho người bán	132	4.4	5,178,719,630	2,909,623,389
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	394,422,984	423,081,105
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.6	(530,380,092)	(642,679,554)
Hàng tồn kho	140	4.7	47,858,817,538	43,669,126,827
Hàng tồn kho	141		49,858,834,164	46,442,787,442
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,000,016,626)	(2,773,660,615)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1,430,851,334	1,801,162,578
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	260,104,266	189,416,257
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.17	209,764,187	137,920,466
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.9	960,982,881	1,473,825,855
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80,275,324,681	80,956,593,658
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		47,924,749,335	49,072,208,770
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	19,834,146,248	20,579,086,202
Nguyên giá	222		45,867,382,441	44,364,915,644

Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26,033,236,193)	(23,785,829,442)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	28,090,603,087	28,396,233,523
Nguyên giá	228		29,587,001,854	29,587,001,854
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,496,398,767)	(1,190,768,331)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.12	-	96,889,045
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30,000,000,000	30,000,000,000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.13	30,000,000,000	30,000,000,000
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2,350,575,346	1,884,384,888
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.14	2,092,847,329	1,881,384,888
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		257,728,017	3,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172,133,170,005	177,417,103,302
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		31,656,979,973	39,003,397,890
Nợ ngắn hạn	310		31,376,979,973	38,697,937,890
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.15	13,008,829,456	13,504,700,365
Người mua trả tiền trước	313	4.16	2,246,401,857	2,004,831,434
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.17	2,228,545,623	1,378,749,028
Phải trả công nhân viên	315		5,522,824,496	5,829,511,900
Chi phí phải trả	316	4.18	3,236,411,397	3,443,683,417
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.19	4,673,395,378	11,904,271,568
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.20	460,571,766	632,190,178
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		280,000,000	305,460,000
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.21	280,000,000	305,460,000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	140,476,190,032	138,413,705,412
Vốn chủ sở hữu	410	140,476,190,032	138,413,705,412
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	80,630,390,000	80,630,390,000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24,544,846,942	24,544,846,942
Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
Cổ phiếu quỹ	414	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	6,643,738,004	6,107,934,508
Quỹ dự phòng tài chính	418	6,087,328,109	5,551,524,613
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	22,569,886,977	21,579,009,349
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
Nguồn kinh phí	432	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	172,133,170,005	177,417,103,302

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	14,712,739,411	14,208,260,163
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2,553,037,187	2,914,239,003
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(884,725,706)	1,492,005,074
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(52,381,494)	(38,138,509)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,444,708,727)	(1,537,494,241)
Chi phí lãi vay	06	62,779,443	80,940,406
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	14,946,740,114	17,119,811,896
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	5,946,395,089	(17,318,442,877)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3,416,046,722)	2,031,761,549
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(8,708,862,830)	(932,307,452)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(282,150,450)	129,456,643
Tiền lãi vay đã trả	13	(62,779,443)	(80,940,406)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3,183,851,520)	(5,237,235,194)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	581,335,939	20,000,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,121,850,725)	(1,122,185,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4,698,929,452	(5,390,081,241)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1,405,577,752)	(1,795,061,009)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	1,277,436,364
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24,130,310,528)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	20,913,888,028	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,445,434,089	2,321,235,598
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3,176,566,163)	1,803,610,953
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16,900,000,000	5,600,000,000

Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16,900,000,000)	(5,600,000,000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7,648,683,100)	(5,740,801,900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7,648,683,100)	(5,740,801,900)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(6,126,319,811)	(9,327,272,188)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	14,781,070,186	24,108,470,150
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	14,243,724	(127,776)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	8,668,994,099	14,781,070,186

Ý KIẾN CÔNG TY KIỂM TOÁN

Số: 134/2015/BCKT-HCM.00575

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015 từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán

để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 01 tháng 4 năm 2014.

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc kinh doanh, quan tâm quyền lợi Cán bộ, công nhân viên, cổ đông, khách hàng và với sự đóng góp tích cực từ các Cán bộ, công nhân viên và cổ đông Công ty đã có những hoạt động hướng về cộng đồng. Tổng chi cho các chương trình từ thiện xã hội trong năm 2014 là 1.250.000.000 đồng thực hiện các chương trình: “Cây mùa xuân 2014”, xây dựng nhà tình thương, gây quỹ và phát học bổng Lê Duy Tân, học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho học sinh nghèo hiếu học, học sinh giỏi cho con em cán bộ công nhân viên công ty, nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, tặng quà người nghèo, khuyết tật, người mù, người già neo đơn, ủng hộ đồng bào thiên tai, lũ lụt, phát quà bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện...

HỆ THỐNG DANH MỤC CÁC CHI NHÁNH, SIÊU THỊ, SHOWROOM

1. Hệ thống chi nhánh

- | | | |
|---|----------------------|--|
| 1 | Chi nhánh TPHCM | 59 Trần Tuấn Khải, Phường 5, Quận 5, TPHCM |
| 2 | Chi nhánh tại Hà Nội | 14 Đường Trung Yên 3, Trung hòa, Quận cầu giấy TP. Hà Nội. |

2. Hệ thống siêu thị

- | | | |
|---|----------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Hệ thống siêu thị Coopmart | 199-205 Nguyễn Thái Học, Quận 1, HCM |
| 2 | Hệ thống siêu thị Big C | 1231 Quốc lộ 1A, KP5, Q Bình Tân, HCM |
| 3 | Hệ thống siêu thị Maximark | 15-17 Cộng Hòa, Q. Tân Bình, Tp.HCM |
| 4 | Hệ thống siêu thị Vinatex | 2 Hoàng Việt , Q Tân Bình, HCM |
| 5 | Hệ thống siêu thị Lotte | Tân Hưng, quận 7, HCM |

3. Hệ thống các showroom

- | | | |
|---|------------------------|---|
| 1 | SC Perfum MTB | 90 Mạc Thị Bưởi, Q1, Tp.HCM |
| 2 | SC Perfum Citi plaza | 230 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp.HCM |
| 3 | SC Perfum Tân Bình | 15-17 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Tp.HCM |
| 4 | SC Perfum Quận 10 | Số 3C, đường 3/2, phường 11, Q10, TpHCM |
| 5 | SC Perfum An Đông | 18 An Dương Vương, Q5, TpHCM |
| 6 | SC Perfum Big C An Lạc | 1231 Quốc lộ 1A, P Bình Trị Đông, Q Bình Tân, TpHCM |

- | | | |
|---|-----------------------|---|
| 7 | SC Perfurm Phan Thiết | Số 1A, đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. |
| 8 | SC Perfurm Hoàn Kiếm | 40 Hàng trống, Quận Hoàn Kiếm Hà Nội |
| 9 | SC Perfurm Cần Thơ | Siêu thị Co-op mart số 01 Hòa Bình, Cần Thơ |

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

